

THÔNG BÁO

**V/v công bố kết quả đợt thi thứ nhất và thông tin đợt thi thứ hai
Vòng loại quốc gia Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ 31, năm 2025**

Thực hiện Kế hoạch số 315-KH/TWĐTN-KHCN ngày 30/12/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc Tổ chức Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ 31, năm 2025; căn cứ tình hình thực tế triển khai Hội thi và kết quả dự thi của các thí sinh, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ (cơ quan thường trực Ban Tổ chức Hội thi) thông báo kết quả đợt thi thứ nhất và thông tin đợt thi thứ hai Vòng loại quốc gia, cụ thể như sau:

1. Đối với kết quả đợt thi thứ nhất Vòng loại quốc gia:

1.1. Công nhận kết quả và lựa chọn thí sinh tham gia Vòng Khu vực (có danh sách chi tiết kèm theo):

- Đối với bảng lập trình (Bảng A, bảng B, bảng C1 và bảng C2): Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi và thời gian làm bài), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Bảng A không xét chọn đối với các bài thi dưới 120 điểm; Bảng B, bảng C1 và bảng C2 không xét chọn đối với các bài thi dưới 60 điểm.

- Đối với bảng thi sản phẩm sáng tạo khối tiểu học (Bảng D1): Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi, thí sinh bằng điểm thi xếp cùng hạng), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Không xét chọn đối với các bài thi dưới 20 điểm.

1.2. Trên cơ sở bài thi của các thí sinh và Quy chế thi đã công bố, Hội đồng Giám khảo kiểm tra, thẩm định và kết luận hủy kết quả 23 bài thi có dấu hiệu sử dụng các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đồng thời không nộp video ghi màn hình làm bài thi hoặc có nộp video ghi màn hình nhưng không thể hiện được quá trình thí sinh lập trình, nộp bài trên Hệ thống tinhocotre.vn.

2. Đối với thông tin đợt thi thứ hai Vòng loại quốc gia

2.1. Gia hạn thời gian đăng ký và hoàn thiện lệ phí dự thi: Đến hết **ngày 20/4/2025**.

2.2. Chương trình tập huấn và phổ biến Quy chế thi:

- Thời gian:

+ Bảng A và bảng D1: 19h00, ngày 21/4/2025 (Thứ Hai).

+ Bảng B, bảng C1 và bảng C2: 19h00, ngày 22/4/2025 (Thứ Ba).

- Hình thức: Trực tuyến qua nền tảng MS Teams.

Lưu ý: Chương trình được ghi hình và đăng tải trên Hệ thống tinhoctre.vn.

2.3. Thời gian thi chính thức: **Ngày 27/4/2025 (Chủ nhật)**

- Bảng A: Từ 07h30 đến 10h30.

- Bảng B: Từ 13h00 đến 16h00.

- Bảng C1, bảng C2 và bảng D1: Từ 13h00 đến 16h30.

Chi tiết vui lòng liên hệ: Đồng chí Đoàn Quang Trung, chuyên viên Phòng Khoa học, Công nghệ, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ, số điện thoại: 0344 268 982, email: tainangviet.twd@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Minh Triết - Bí thư TWĐ (để báo cáo);
- Lưu VP, KHCN.



GIÁM ĐỐC

Trần Hữu

KẾT QUẢ ĐỢT THI THỨ NHẤT
VÒNG LOẠI QUỐC GIA HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ 31, NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số: 57-TB/KHCN ngày 15 tháng 4 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

I. BẢNG A: LẬP TRÌNH KHỞI TIỂU HỌC

I.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25A-533	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Đăng Khoa	2014	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25A-615	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Mi Na	2014	470	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25A-710	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2014	440	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25A-639	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi An Huy	2014	425	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25A-240	Miền Bắc	Hà Nội	Chung Minh Tiến	2014	410	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25A-469	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Quang	2017	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25A-605	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Hồ Minh Trí	2014	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25A-443	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Minh Hoàng	2015	390	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9.	25A-24	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Anh Khôi	2014	380	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25A-256	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Minh Hiếu	2016	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25A-151	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Đức Anh	2014	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25A-21	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đại Quang	2017	345	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	25A-279	Miền Bắc	Bắc Giang	Nguyễn Hoàng Lâm	2014	345	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25A-22	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Quang Vinh	2014	340	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25A-596	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Gia Hưng	2015	320	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25A-495	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đức Huy	2014	315	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25A-80	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Trí	2016	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25A-46	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Minh Trang	2014	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25A-285	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Nguyên Minh	2014	305	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25A-228	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Hải Minh	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25A-440	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Trần Trung Đức	2015	285	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
22.	25A-302	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Nguyên	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25A-551	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đức Nam Phi	2014	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25A-29	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Sơn	2014	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	25A-698	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Quang Gia Huy	2014	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25A-23	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyen Minh Quan	2014	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25A-211	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Tiến Thành	2014	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25A-592	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Anh Đức	2015	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25A-421	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trí Minh	2014	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	25A-496	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Văn Phú	2015	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25A-66	Miền Bắc	Nam Định	Đinh Minh Khang	2017	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25A-184	Miền Bắc	Quảng Ninh	Bùi Tuấn Đạt	2014	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25A-438	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Thiện Nhân	2014	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25A-607	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Lê Thái Hoàng	2014	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
35.	25A-233	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Gia Huy	2014	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25A-679	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Hải An	2015	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37.	25A-176	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Ngọc Linh Chi	2015	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25A-147	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Anh Đức	2014	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25A-192	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Quang Minh	2014	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25A-389	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Anh	2014	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25A-28	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Duy Ninh	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25A-395	Miền Bắc	Ninh Bình	Trần Lưu Đại Dương	2014	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25A-600	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đình Duy Anh	2015	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25A-137	Miền Bắc	Bắc Giang	Trần Đức Minh	2014	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25A-183	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Minh Hoàng	2014	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25A-396	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Minh Dũng	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	25A-335	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Quang Vinh	2015	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
48.	25A-485	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đăng Khôi	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
49.	25A-451	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Tiến Minh	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	25A-27	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đăng Lâm	2016	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	25A-260	Miền Bắc	Hải Phòng	Dương Minh Khang	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	25A-670	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Thông	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	25A-664	Miền Bắc	Hà Nội	Doãn Minh Hiếu	2016	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	25A-542	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Xuân Hải Phong	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	25A-595	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Tùng Lâm	2016	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	25A-185	Miền Bắc	Quảng Ninh	Bùi Tố Minh Đức	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	25A-344	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Gia Bảo	2016	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	25A-91	Miền Bắc	Hải Phòng	Ngô Nguyên Khôi	2014	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	25A-178	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Minh Đức	2014	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	25A-56	Miền Bắc	Hà Nội	Đinh Hoàng Thành	2016	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
61.	25A-7	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hùng Anh	2014	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
62.	25A-49	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc Khánh	2015	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
63.	25A-306	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Nhật Minh Lâm	2015	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
64.	25A-598	Miền Bắc	Hà Nội	Hồ Trung Dũng	2015	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
65.	25A-589	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Tú	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
66.	25A-152	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bảo Nam	2015	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
67.	25A-552	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Đạo	2016	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
68.	25A-641	Miền Bắc	Bắc Ninh	Phạm Thành Công	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
69.	25A-54	Miền Bắc	Nam Định	Trần Hoàng Huy	2015	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
70.	25A-166	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Phúc Tuệ Hải	2015	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
71.	25A-369	Miền Bắc	Hà Nội	Đoàn Mạnh Thắng	2015	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
72.	25A-262	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Doãn Quang Minh	2015	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
73.	25A-221	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Bùi Bang	2014	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
74.	25A-566	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Nguyễn Bảo Sơn	2015	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
75.	25A-691	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Nam	2015	150 (Thời gian: 00:08:17)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
76.	25A-642	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Ngọc Lâm	2014	150 (Thời gian: 00:16:03)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
77.	25A-162	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Văn Phú Quý	2014	150 (Thời gian: 00:17:46)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
78.	25A-75	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hoàng Minh	2016	150 (Thời gian: 00:38:33)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
79.	25A-482	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Gia Vinh	2014	150 (Thời gian: 00:46:41)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
80.	25A-336	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiến Phát	2015	150 (Thời gian: 01:03:59)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
81.	25A-258	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Khôi	2016	150 (Thời gian: 01:36:47)	
82.	25A-286	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Hiểu Minh	2015	150 (Thời gian: 01:42:22)	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
83.	25A-170	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Anh Vũ	2015	150 (Thời gian: 02:37:04)	
84.	25A-186	Miền Bắc	Quảng Ninh	Bùi Lê Hạnh Dung	2014	150 (Thời gian: 02:49:32)	
85.	25A-486	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hải Anh	2014	140	
86.	25A-587	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2015	130	
87.	25A-263	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Võ Thành Nguyên	2014	130	
88.	25A-292	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Quang Huy	2016	130	
89.	25A-106	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Toàn Minh Thái	2015	120	
90.	25A-700	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lương Hải Khôi	2017	120	
91.	25A-261	Miền Bắc	Hải Phòng	Đổng Văn Đồng	2015	120	
92.	25A-579	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Duy Tùng	2015	120	
93.	25A-247	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Tuấn Khôi	2015	120	
94.	25A-305	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Minh Khang	2014	120	
95.	25A-180	Miền Bắc	Hà Nội	Võ Đức Minh	2015	110	
96.	25A-633	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Vĩnh Châu	2015	110	
97.	25A-483	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đức Bảo	2015	100	
98.	25A-441	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Tuấn Kiệt	2015	100	
99.	25A-203	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Ngọc Phương My	2015	100	
100.	25A-128	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Nhật Minh	2014	100	
101.	25A-522	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Anh Duy	2014	100	
102.	25A-540	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Đăng Khoa	2015	90	
103.	25A-505	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Anh Quân	2014	90	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
104.	25A-149	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thanh Quyết	2014	80	
105.	25A-576	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hà Thanh	2015	80	
106.	25A-26	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Hoàng Tuấn Kiệt	2014	80	
107.	25A-490	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Minh	2014	80	
108.	25A-364	Miền Bắc	Quảng Ninh	Dương Bảo Khánh	2014	70	
109.	25A-175	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Huy Bách	2014	60	
110.	25A-322	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khắc Thanh Phong	2014	60	
111.	25A-136	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Bảo Hoàng	2016	40	
112.	25A-454	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Đức Trí	2014	40	
113.	25A-153	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Nam Khánh	2015	30	
114.	25A-397	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Quang	2015	10	
115.	25A-40	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Mạnh Lâm	2015	0	
115.	25A-63	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	2016	0	
115.	25A-81	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Cảnh Phúc Nguyên	2016	0	
115.	25A-97	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Vũ Minh Long	2015	0	
115.	25A-116	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Quang	2015	0	
115.	25A-132	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Gia Minh	2015	0	
115.	25A-150	Miền Bắc	Hà Nội	Giang Thạch Lâm	2014	0	
115.	25A-164	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Triết	2014	0	
115.	25A-171	Miền Bắc	Hải Dương	Đặng Minh Khôi	2015	0	
115.	25A-255	Miền Bắc	Hà Nội	Tô Phúc Gia Đạt	2016	0	
115.	25A-275	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Vũ Huy Tùng	2014	0	
115.	25A-277	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Trọng Tuệ	2014	0	
115.	25A-303	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Long	2016	0	
115.	25A-304	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Nhật Quang	2015	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
115.	25A-328	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Văn Hoàng Thành	2015	0	
115.	25A-361	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Thiệp	2015	0	
115.	25A-374	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đỗ Thái Bảo	2014	0	
115.	25A-386	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Tiến Danh	2015	0	
115.	25A-442	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Minh Quân	2016	0	
115.	25A-459	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Hoàng Sơn	2014	0	
115.	25A-519	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đình Hoàng	2014	0	
115.	25A-526	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phương Khôi	2014	0	
115.	25A-541	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Ngọc Trung Nghĩa	2015	0	
115.	25A-648	Miền Bắc	Bắc Giang	Nguyễn Công Minh	2015	0	
115.	25A-689	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Tuấn Thành	2014	0	

Danh sách gồm 139 thí sinh./.

I.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25A-36	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc Bảo Nhật	2014	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25A-594	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Nguyên Khang	2014	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25A-64	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Nguyễn Minh Khang	2014	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25A-13	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Phúc Gia Huy	2014	495	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25A-267	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Minh Trung	2014	475	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25A-543	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Đắc Khoa	2015	470	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25A-604	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Tiến	2015	470	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25A-236	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Đức Duy	2014	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25A-37	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Mi Chi	2014	460	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25A-376	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Danh Hà	2015	460	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25A-338	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Vy Khanh	2014	440	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25A-250	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tá Nhật	2014	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25A-527	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Trí	2015	375	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25A-547	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Tuấn Anh	2014	370	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25A-367	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Trí	2014	370	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25A-217	Miền Trung	Nghệ An	Trịnh Minh Kỳ	2014	370	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25A-653	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Nguyễn Vĩnh Khánh	2015	370	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25A-173	Miền Trung	Đà Nẵng	Lâm Bảo Duy	2014	365	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25A-241	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Gia Khang	2014	360	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25A-20	Miền Trung	Quảng Nam	Trần Hồng Giáp	2014	355	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25A-198	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Công Thái Bảo	2014	350	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25A-627	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Quang Huy	2014	340	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25A-14	Miền Trung	Quảng Nam	Hồ Vương Phong	2014	340	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25A-278	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Tấn Đạt	2014	340	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25A-77	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Minh Khang	2014	330	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25A-378	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Đức Trí	2014	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25A-4	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Dương Kim Khuyên	2014	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25A-82	Miền Trung	Khánh Hòa	Lưu Minh Đạt	2014	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25A-220	Miền Trung	Nghệ An	Lưu Nhật Minh	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	25A-355	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Phạm Gia Ngân	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25A-11	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Quốc Thái	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25A-568	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Khang	2015	295	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25A-644	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Khang Phúc	2014	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25A-174	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Quang Minh	2014	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25A-193	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trần Nguyên	2015	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25A-371	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Văn Nhân Trí	2014	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	25A-314	Miền Trung	Nghệ An	Đặng Tấn Phát	2014	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25A-655	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Nguyễn Minh Trí	2015	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25A-632	Miền Trung	Đà Nẵng	Lã Trần Ngọc Hân	2014	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25A-1	Miền Trung	Đà Nẵng	Cao Minh Bảo	2015	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25A-108	Miền Trung	Quảng Trị	Lê Bình Minh	2014	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25A-602	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Nhật	2015	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25A-210	Miền Trung	Nghệ An	Đậu Chí Đức	2014	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25A-200	Miền Trung	Hà Tĩnh	Mai Đức Ninh	2014	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25A-216	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Quốc Bảo	2015	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25A-100	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Bảo	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	25A-645	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Phạm Cát Uy	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	25A-461	Miền Trung	Gia Lai	Lê Duy Khoa	2015	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49.	25A-156	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Đức Tuấn Kiệt	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	25A-264	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phan Hoàng Long	2014	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	25A-425	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hữu Minh Long	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	25A-463	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trọng Trung Kiên	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	25A-667	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Vĩnh Khang	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	25A-503	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nam Duy	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	25A-652	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phú Khang	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	25A-473	Miền Trung	Đà Nẵng	Lương Khánh Hân	2015	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	25A-524	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Trí	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	25A-638	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đình Huỳnh	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	25A-134	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tường Bảo Ngọc	2014	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	25A-448	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Thị Quỳnh Như	2014	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
61.	25A-464	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Thiện Nhân	2014	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
62.	25A-504	Miền Trung	Nghệ An	Lê Đức Nguyên Xoái	2015	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
63.	25A-159	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Trí	2014	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
64.	25A-557	Miền Trung	Quảng Ngãi	Trần Viết Nhật Nam	2014	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
65.	25A-140	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Linh San	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
66.	25A-316	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Nguyễn Tấn Phúc	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
67.	25A-471	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Nguyễn Đăng Quan	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
68.	25A-204	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Lê Khánh	2014	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
69.	25A-599	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Thị Hà	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
70.	25A-209	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Tất Thành Đạt	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
71.	25A-169	Miền Trung	Đà Nẵng	Lương Tùng Quân	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
72.	25A-692	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Vĩnh Kỳ	2015	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
73.	25A-10	Miền Trung	Khánh Hòa	Phạm Gia Bảo	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
74.	25A-387	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Hải Đăng	2015	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
75.	25A-199	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Thị Thu Hương	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
76.	25A-555	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Nguyên Khang	2015	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
77.	25A-130	Miền Trung	Quảng Nam	Trần Ngọc Sâm	2014	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
78.	25A-312	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Hoàng Bảo Nam	2014	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
79.	25A-489	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Gia Bảo	2014	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
80.	25A-563	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Minh Khang	2014	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
81.	25A-484	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Việt Khôi	2015	110	
82.	25A-197	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn An Nhiên	2015	110	
83.	25A-628	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Quốc Cường	2014	100	
84.	25A-518	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thanh Nam	2015	100	
85.	25A-517	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đoàn Thảo Phương	2014	100	
86.	25A-699	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Khải Hưng	2015	100	
87.	25A-118	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Hữu Khoa	2014	100	
88.	25A-513	Miền Trung	Quảng Trị	Hoàng Lê Khánh Linh	2015	100	
89.	25A-531	Miền Trung	Khánh Hòa	Sử Lê Gia Thịnh	2015	90	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
90.	25A-239	Miền Trung	Lâm Đồng	Phan Khải An	2014	60	
91.	25A-559	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồng An Khôi	2016	40	
92.	25A-500	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Viết Hoàng	2015	20	
93.	25A-205	Miền Trung	Kon Tum	Nguyễn Thị Anh Thư	2015	20	
94.	25A-300	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Quân	2014	10	
95.	25A-237	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Hoàng Mai Chi	2014	10	
96.	25A-2	Miền Trung	Bình Định	Lê Hà Tấn Đạt	2014	0	
96.	25A-76	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Anh Hào	2015	0	
96.	25A-141	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Khôi	2015	0	
96.	25A-146	Miền Trung	Quảng Nam	Trần Tuấn Kiệt	2015	0	
96.	25A-188	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Gia Hân	2015	0	
96.	25A-293	Miền Trung	Đắk Nông	Lê Trọng Sơn	2014	0	
96.	25A-348	Miền Trung	Đắk Lắk	Lê Thị Bình	2016	0	
96.	25A-494	Miền Trung	Đắk Nông	Đinh Trung Hiếu	2014	0	
96.	25A-521	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quang Bảo	2016	0	
96.	25A-529	Miền Trung	Gia Lai	Phan Nguyễn Quốc Tiến	2014	0	
96.	25A-665	Miền Trung	Nghệ An	Lê An Khải	2015	0	

Danh sách gồm 106 thí sinh./.

I.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25A-593	Miền Nam	Bình Dương	Lê Quang Bách	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25A-69	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tiến Duy	2014	445	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25A-208	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hứa Gia Bảo	2014	380	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25A-74	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Huỳnh Minh Nhân	2015	370	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25A-683	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Hồng Việt Tiến	2014	345	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25A-626	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Thị Ngọc Bích	2015	345	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25A-50	Miền Nam	Long An	Nguyễn Minh Khuê	2014	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25A-195	Miền Nam	Bạc Liêu	Quách Thành Vinh	2014	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25A-565	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đình Khải Anh	2015	295	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25A-224	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Nguyễn Hoàng Kim	2014	285	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25A-95	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Minh Hoàng	2014	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25A-110	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Phúc Minh	2014	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25A-73	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Phan Hải Bình	2014	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25A-235	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Hoàng Nam	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25A-624	Miền Nam	Đồng Nai	Chu Nguyễn Thiên Phúc	2014	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25A-298	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Hoàng	2014	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25A-544	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Phạm Minh Kiên	2014	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25A-590	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thanh Hà	2015	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25A-622	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Trí Joseph	2014	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25A-18	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần An	2014	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25A-476	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Bình Minh	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25A-623	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Hoàng Nguyên Bảo	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25A-453	Miền Nam	An Giang	Ngô Minh Hiếu	2015	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25A-651	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Cù Huy Minh Hoàng	2014	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25A-434	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Minh	2015	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25A-196	Miền Nam	Bạc Liêu	Danh Gia Huy	2015	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25A-229	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Xuân Trọng Nhân	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25A-523	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Diệp Quang Hiếu	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25A-194	Miền Nam	Bạc Liêu	Nguyễn Đỗ Thiên Lộc	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	25A-574	Miền Nam	Cà Mau	Võ Phúc An	2015	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25A-512	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Minh Quang	2014	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25A-507	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Phạm Bùi Quang Minh	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25A-296	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nghiêm Tuấn Phong	2015	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25A-19	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Tổng Linh Thảo	2014	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25A-83	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Công Anh	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25A-353	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Bá Anh Kiệt	2014	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	25A-268	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Thân Nguyễn Nhật Minh	2016	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25A-297	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Trần Gia Túc	2015	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25A-89	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tổng Thiên Văn	2014	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25A-625	Miền Nam	Đồng Nai	Đỗ Bá Thiên	2014	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25A-470	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Quang Khải	2014	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25A-548	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Hải Phong	2014	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25A-248	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Trần Toàn	2014	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25A-457	Miền Nam	Bình Dương	Trần Ngọc Thiên Bảo	2015	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25A-212	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hải Minh	2015	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25A-591	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Văn Quang Vinh	2015	100	
47.	25A-246	Miền Nam	Đồng Nai	Đỗ Hoàng Tấn Phát	2014	100	
48.	25A-430	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ma Đăng Định	2014	65	
49.	25A-346	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Huỳnh Tuấn Kiệt	2015	55	
50.	25A-45	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Khánh Hoàng	2015	50	
51.	25A-161	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Ngọc Duy Anh	2014	50	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
52.	25A-9	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Yap Phạm Minh Trung	2014	50	
53.	25A-398	Miền Nam	Bình Dương	Bùi Trọng Khôi	2015	10	
54.	25A-388	Miền Nam	Tiền Giang	Lê Minh Châu	2016	10	
55.	25A-8	Miền Nam	Đồng Nai	Phạm Gia Linh	2014	0	
55.	25A-15	Miền Nam	Bình Phước	Đỗ Minh Khang	2014	0	
55.	25A-16	Miền Nam	Bình Phước	Đỗ Minh Khôi	2016	0	
55.	25A-31	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đặng Ngọc Quyền	2015	0	
55.	25A-43	Miền Nam	Đồng Nai	Lê Khánh Hoàng Nam	2015	0	
55.	25A-123	Miền Nam	Đồng Nai	Bùi Nguyễn Minh Đức	2014	0	
55.	25A-138	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	0	
55.	25A-160	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Thiện Nhân	2014	0	
55.	25A-259	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Minh Kiên	2015	0	
55.	25A-331	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Từ Mẫn Kim Quang	2015	0	
55.	25A-394	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Phạm Thiên Kim	2015	0	
55.	25A-447	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Đức Anh	2015	0	
55.	25A-458	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Thành Trung	2014	0	
55.	25A-460	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Gia Bảo	2014	0	
55.	25A-479	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nam Hùng	2016	0	
55.	25A-480	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Thái Lê Minh Bảo	2014	0	
55.	25A-658	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Gia Vinh	2015	0	

Danh sách gồm 71 thí sinh./.

II. BẢNG B: LẬP TRÌNH KHỎI TRUNG HỌC CƠ SỞ

II.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25B-120	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh Tuấn	2011	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25B-406	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Gia Bảo	2011	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25B-241	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Thanh Tùng	2010	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25B-528	Miền Bắc	Hà Nội	Doãn Tùng Lâm	2013	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25B-149	Miền Bắc	Hà Nội	Thái Vĩnh Giang	2011	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25B-459	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Minh Vũ	2010	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25B-516	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Minh Quân	2012	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25B-44	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Quang Thiện	2011	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25B-575	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Lê Hưng	2010	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25B-99	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Khôi	2010	237	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25B-412	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Quý Đức	2010	237	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
12.	25B-167	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Anh Minh	2012	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	25B-614	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Đức Minh	2011	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25B-411	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Thành Đạt	2010	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25B-34	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Gia Huy	2010	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25B-2	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phạm Hải Dương	2011	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25B-165	Miền Bắc	Hà Nội	Đường Lâm Tùng	2013	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25B-312	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thanh Tùng	2012	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25B-228	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Huy Hiếu	2011	223	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25B-395	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Bá Hưng	2011	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25B-187	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Nhật Minh	2012	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25B-37	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hoàng Hải Nam	2012	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25B-455	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Trung Anh	2010	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
24.	25B-98	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Hà	2011	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
25.	25B-240	Miền Bắc	Bắc Ninh	Vũ Minh Nhật	2012	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25B-371	Miền Bắc	Hải Phòng	Cao Phú Thịnh	2011	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25B-289	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô An Hưng	2013	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25B-36	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Minh Sơn	2010	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25B-153	Miền Bắc	Hải Phòng	Doãn Hoàng Long	2011	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	25B-257	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hồng Phong	2012	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25B-384	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Viết An	2013	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25B-32	Miền Bắc	Hải Phòng	Tạ Gia Lộc	2013	199	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25B-111	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh Đức	2010	194	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25B-89	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Khải	2013	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25B-593	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Nghĩa	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
36.	25B-193	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Trọng Hoàng	2011	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37.	25B-477	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tấn Phong	2011	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25B-117	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc Minh	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25B-285	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25B-38	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Lê Hải Long	2010	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25B-214	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Huy Bách	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25B-440	Miền Bắc	Hải Phòng	Chu Khánh Phương	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25B-404	Miền Bắc	Hải Phòng	Ngô Gia Khánh	2010	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25B-488	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Chấn Nam	2010	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25B-618	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Anh Trí	2011	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25B-238	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Quốc Tiến	2012	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	25B-232	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Đỗ Minh Tuấn	2010	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
48.	25B-396	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đào Đức Kiên	2017	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
49.	25B-457	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Bảo Nam	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	25B-367	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Tuấn Khôi	2010	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	25B-237	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Gia Huy	2011	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	25B-239	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Quang Hiếu	2013	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	25B-470	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Gia Phong	2011	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	25B-42	Miền Bắc	Thái Nguyên	Nguyễn Khải Phong	2011	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	25B-90	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Vũ Phong	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	25B-338	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Nhật Tùng	2013	147	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	25B-378	Miền Bắc	Hà Nội	Đinh Linh Đan	2010	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	25B-208	Miền Bắc	Hải Dương	Lê Quang Thiện	2010	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	25B-168	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Văn Khánh Duy	2013	139	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
60.	25B-172	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Anh Tuấn	2012	137	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61.	25B-7	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Đức Thái Long	2011	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
62.	25B-379	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nam Phong	2012	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
63.	25B-209	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Gia Bình	2012	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
64.	25B-329	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đình Thiên	2012	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
65.	25B-433	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Minh Trí	2011	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
66.	25B-176	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Tuấn Hưng	2013	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
67.	25B-480	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đặng Anh Khoa	2012	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
68.	25B-328	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Lâm Anh	2011	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
69.	25B-583	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Quý	2012	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
70.	25B-508	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nam Khánh	2012	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
71.	25B-616	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Quốc Khánh	2013	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
72.	25B-196	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đặng Thái Bảo	2010	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
73.	25B-390	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hải Hưng	2012	123	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
74.	25B-166	Miền Bắc	Hà Nội	Đường Sơn Tùng	2011	123	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
75.	25B-307	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Nguyễn Văn Lam	2012	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
76.	25B-582	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đức Hiếu	2012	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
77.	25B-284	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đức Trí	2011	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
78.	25B-82	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Quốc Thắng	2012	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
79.	25B-25	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Kiệt	2012	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
80.	25B-475	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hoàng Ngọc Hiếu	2012	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
81.	25B-114	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Dương	2011	106	
82.	25B-611	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Phạm Danh Tùng	2011	105	
83.	25B-131	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Quỳnh Anh	2012	105	
84.	25B-375	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Tuệ Khanh	2011	104	
85.	25B-327	Miền Bắc	Hà Nội	Thẩm Anh Quân	2013	103	
86.	25B-71	Miền Bắc	Hà Nội	Mạc Nguyễn Phương Thảo	2011	100	
87.	25B-389	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoài Nhật Minh	2012	100	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
88.	25B-197	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lưu Nam Hải	2010	100	
89.	25B-252	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Tiến Thanh	2013	100	
90.	25B-569	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Khánh Vinh	2013	100	
91.	25B-399	Miền Bắc	Hà Nội	Hà Đông Tiểu Phong	2011	100	
92.	25B-617	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Phạm Minh Quang	2012	100	
93.	25B-610	Miền Bắc	Hà Nội	Thang Vĩnh Phúc	2013	100	
94.	25B-210	Miền Bắc	Hà Nội	Mạc Minh Huy	2011	100	
95.	25B-410	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Huy Nhật	2012	100	
96.	25B-143	Miền Bắc	Vĩnh Phúc	Phạm Hồng Kỳ	2011	100	
97.	25B-199	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Thành Nam	2012	100	
98.	25B-12	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Hoàng Lân	2011	100	
99.	25B-482	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Kiến Bình	2013	100	
100.	25B-491	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hoàng Anh Vũ	2012	90	
101.	25B-451	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh	2012	90	
102.	25B-370	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Lý Châu Long	2012	85	
103.	25B-105	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Tuệ	2011	80	
104.	25B-448	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Hoàng Minh	2011	80	
105.	25B-206	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Khánh Hải	2011	80	
106.	25B-164	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Gia Bảo	2012	80	
107.	25B-403	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Trí	2013	80	
108.	25B-264	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Kỳ Phong	2013	80	
109.	25B-601	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Phúc Nguyên	2012	80	
110.	25B-188	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Quang Tuệ	2011	80	
111.	25B-485	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Mạnh Hùng	2012	80	
112.	25B-169	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Đức Lộc	2012	80	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
113.	25B-506	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Minh Quang	2011	80	
114.	25B-128	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Quỳnh Chi	2012	24	
115.	25B-344	Miền Bắc	Hải Dương	Vũ Đăng Minh	2012	15	
116.	25B-30	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Hải Long	2013	0	
116.	25B-255	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Lâm	2013	0	
116.	25B-260	Miền Bắc	Hòa Bình	Bùi Đình Kiên	2013	0	
116.	25B-269	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc Thái	2012	0	
116.	25B-339	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Hoàng Quân	2013	0	
116.	25B-460	Miền Bắc	Hải Phòng	Đỗ Khôi Nguyên	2012	0	
116.	25B-462	Miền Bắc	Hải Phòng	Cù Minh Quân	2012	0	
116.	25B-465	Miền Bắc	Hải Phòng	Đào Đức Tiến	2012	0	
116.	25B-471	Miền Bắc	Hải Phòng	Lưu Nguyên Khánh	2013	0	
116.	25B-483	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Phúc Hưng	2013	0	
116.	25B-489	Miền Bắc	Hải Dương	Phạm Gia Bảo	2012	0	
116.	25B-596	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Anh	2013	0	
116.	25B-615	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Sơn Tùng	2013	0	
116.	25B-623	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hà Dương	2013	0	

Danh sách gồm 129 thí sinh./.

II.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25B-162	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Minh Đức	2011	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25B-557	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Minh Nhật	2011	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25B-429	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Tất Phước	2011	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25B-613	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Sĩ Quý	2012	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25B-472	Miền Trung	Nghệ An	Đậu Đăng Khôi	2010	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25B-27	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Công Triết	2011	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25B-279	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Danh Bình	2012	237	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25B-275	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Gia Kiệt	2012	237	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25B-463	Miền Trung	Gia Lai	Võ Đặng Ngọc Lâm	2013	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25B-157	Miền Trung	Quảng Trị	Thái Thành Công	2011	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25B-263	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Viết Gia Khánh	2013	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25B-198	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Hồng Quân	2013	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25B-268	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hải Dương	2012	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25B-400	Miền Trung	Nghệ An	Thái Hải Nam	2012	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25B-565	Miền Trung	Lâm Đồng	Lưu Gia Bảo	2011	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25B-127	Miền Trung	Lâm Đồng	Lã Gia Huy	2010	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25B-245	Miền Trung	Nghệ An	Trần Tiến Nhật	2012	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25B-81	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Ngọc Tuệ Linh	2010	204	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25B-524	Miền Trung	Kon Tum	Nguyễn Hoàng Vương	2012	202	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25B-512	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Vũ Quỳnh Lam	2012	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25B-253	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Trần Như Ý	2013	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25B-387	Miền Trung	Nghệ An	Thái Hữu Đạt	2012	197	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25B-436	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tâm Thảo Nhi	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25B-545	Miền Trung	Nghệ An	Giản Viết Thi	2011	189	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25B-584	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Bảo Khánh	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25B-331	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hồ Nam Thắng	2010	181	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25B-394	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Quang Tuấn Kiệt	2010	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25B-348	Miền Trung	Quảng Nam	Hồ Hữu Phúc	2010	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25B-63	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Văn Như	2010	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	25B-577	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Minh Đạt	2011	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25B-363	Miền Trung	Gia Lai	Trần Quốc An	2010	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25B-554	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Hào	2013	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25B-355	Miền Trung	Hà Tĩnh	Phan Nhân	2010	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25B-273	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Vũ Gia Huy	2011	174	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25B-305	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hoàng Minh	2012	174	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25B-325	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Lê Quốc Khang	2013	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	25B-495	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Nam	2012	164	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25B-92	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Long	2012	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25B-476	Miền Trung	Nghệ An	Lê Nguyễn Lâm Vũ	2011	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25B-23	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Huỳnh Gia Khiêm	2011	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25B-558	Miền Trung	Thanh Hóa	Hoàng Giang Quế	2011	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25B-602	Miền Trung	Đà Nẵng	Đinh Vũ Hoài Nam	2011	153	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25B-468	Miền Trung	Nghệ An	Dương Bá Lương	2011	152	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25B-130	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Thiên Hương	2013	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25B-39	Miền Trung	Đắk Nông	Bùi Quang Minh	2011	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25B-413	Miền Trung	Nghệ An	Võ Hoàng Phúc	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	25B-568	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Nhật Anh	2010	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	25B-309	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quang Hoàng Long	2010	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49.	25B-624	Miền Trung	Đà Nẵng	Đinh Ngọc Diễm	2010	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	25B-392	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hải Minh	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	25B-281	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Bảo Nam	2013	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	25B-28	Miền Trung	Quảng Nam	Võ Hoàng Nam	2010	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	25B-40	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Nguyên Khải	2012	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	25B-427	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Gia Minh	2013	139	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	25B-142	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Thanh Sơn	2013	138	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	25B-161	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Khôi	2013	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57.	25B-80	Miền Trung	Đà Nẵng	Lưu Trần Nhật Giang	2013	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58.	25B-186	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngô Quế Lâm	2011	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59.	25B-318	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Bảo Long	2010	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60.	25B-581	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Mạnh Chấn Phong	2011	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
61.	25B-368	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hà Phương	2010	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
62.	25B-398	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Minh Hoàng	2010	133	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
63.	25B-119	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Duy Khánh	2011	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
64.	25B-531	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Duy Trường	2012	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
65.	25B-501	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Hoàng Thái	2011	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
66.	25B-425	Miền Trung	Nghệ An	Trần Duy Anh	2012	129	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
67.	25B-70	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Hoàng Long	2012	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
68.	25B-335	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Trần Đăng Huy	2011	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
69.	25B-231	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Vũ Tiến Đoàn	2011	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
70.	25B-351	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Quỳnh Như	2012	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
71.	25B-345	Miền Trung	Đắk Lắk	Phạm Thanh Trà	2010	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
72.	25B-202	Miền Trung	Quảng Nam	Lê Nguyên Khang	2012	124	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
73.	25B-419	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Đình Quang	2011	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
74.	25B-291	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thị Quỳnh Lam	2013	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
75.	25B-564	Miền Trung	Bình Định	Trần Đại Nhân	2011	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
76.	25B-271	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Minh Việt	2013	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
77.	25B-223	Miền Trung	Nghệ An	Vũ Hoàng Nam	2013	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
78.	25B-431	Miền Trung	Nghệ An	Ngô Phương Lan	2013	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
79.	25B-306	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	2010	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
80.	25B-536	Miền Trung	Đắk Lắk	Lê Đình Văn	2011	105 (Thời gian: 01:47:35)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
81.	25B-220	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Quốc Khánh	2010	105 (Thời gian: 01:57:22)	
82.	25B-366	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Xuân Phước	2011	105 (Thời gian: 02:12:27)	
83.	25B-304	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Văn Mạnh	2012	105 (Thời gian: 02:32:37)	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
84.	25B-386	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Anh Bảo	2011	105 (Thời gian: 03:16:36)	
85.	25B-573	Miền Trung	Huế	Nguyễn Khắc Hưng Nam	2011	105 (Thời gian: 03:48:07)	
86.	25B-314	Miền Trung	Đà Nẵng	Đinh Cao Mạnh Tường	2013	103	
87.	25B-256	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phước Minh Hùng	2013	100	
88.	25B-200	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyen Hoang Viet	2011	100	
89.	25B-424	Miền Trung	Nghệ An	Cao Minh Bảo	2011	100	
90.	25B-479	Miền Trung	Nghệ An	Lê Hoàng Quân	2012	100	
91.	25B-317	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Đức Duy	2013	100	
92.	25B-189	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Hoàng Bảo Long	2013	100	
93.	25B-315	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Đức Trọng	2011	100	
94.	25B-362	Miền Trung	Gia Lai	Trịnh Quang Hưởng	2012	100	
95.	25B-548	Miền Trung	Lâm Đồng	Phạm Khánh Hưng	2012	100	
96.	25B-151	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Hữu Minh Hiếu	2012	100	
97.	25B-535	Miền Trung	Nghệ An	Phùng Duy Khánh	2012	100	
98.	25B-78	Miền Trung	Khánh Hòa	Phan Quang Huy	2011	100	
99.	25B-185	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Đình Phú	2013	100	
100.	25B-292	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Quốc Đại Việt	2012	100	
101.	25B-139	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Huy Hoàng	2010	100	
102.	25B-469	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Kim Tuấn Kiệt	2012	100	
103.	25B-100	Miền Trung	Đắk Nông	Nguyễn Tấn Sang	2010	100	
104.	25B-369	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Nguyễn Hoàng Nam	2011	88	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
105.	25B-201	Miền Trung	Nghệ An	Hồ Minh Bảo	2012	85	
106.	25B-381	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Bảo Khánh	2012	85	
107.	25B-18	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Lê Thái Tuấn	2012	85	
108.	25B-215	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Duy Đạt	2010	85	
109.	25B-341	Miền Trung	Huế	Nguyễn Phúc Thuận	2011	85	
110.	25B-73	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồng Phúc	2013	80	
111.	25B-29	Miền Trung	Quảng Bình	Lưu Minh Khang	2013	80	
112.	25B-121	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Quang Phúc	2011	80	
113.	25B-515	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Trần Ngọc Huy	2013	80	
114.	25B-415	Miền Trung	Gia Lai	Phùng Hồ An Khôi	2011	80	
115.	25B-467	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Lâm	2013	80	
116.	25B-484	Miền Trung	Gia Lai	Trần Anh Khôi	2012	80	
117.	25B-530	Miền Trung	Nghệ An	Phan Văn Khôi Nguyên	2012	59	
118.	25B-414	Miền Trung	Gia Lai	Vũ Hoàng Nam	2013	29	
119.	25B-122	Miền Trung	Đà Nẵng	Thái Duy Khôi	2013	0	
119.	25B-124	Miền Trung	Đắk Nông	Đình Quang Trường	2012	0	
119.	25B-222	Miền Trung	Quảng Trị	Trần Vũ An Nhiên	2011	0	
119.	25B-287	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Hoàng Quân	2013	0	
119.	25B-308	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Minh Trí	2012	0	
119.	25B-357	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Ánh Nhật Minh	2013	0	
119.	25B-359	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Minh Khang	2013	0	
119.	25B-360	Miền Trung	Gia Lai	Bùi Nguyên Khang	2013	0	
119.	25B-361	Miền Trung	Gia Lai	Trần Minh Chính	2012	0	
119.	25B-397	Miền Trung	Gia Lai	Lê Minh Huy	2013	0	

Danh sách gồm 128 thí sinh./.

II.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25B-1	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Vũ Hoàng Bách	2012	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25B-313	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Lê Xuân Hiếu	2010	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25B-324	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Thị Thanh Bình	2013	238	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25B-68	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Hoàng Quân	2010	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25B-10	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tôn Thất Bảo Đạt	2010	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25B-589	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hà Nguyễn Đăng Huy	2010	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25B-4	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phan Nguyễn Khánh Minh	2010	227	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25B-216	Miền Nam	Cà Mau	Huỳnh Huy Hoàng	2011	213	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25B-97	Miền Nam	Đồng Tháp	Lữ Hoài Thương	2014	213	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25B-158	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Đăng Khoa	2010	202	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25B-5	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Ngô Đình Hoàng Nhật	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25B-175	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Long	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25B-11	Miền Nam	Tiền Giang	Lê Hoàng Hiếu	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25B-372	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Thái Quốc Bảo	2010	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25B-190	Miền Nam	Đồng Nai	Hoàng Vĩnh Khánh	2010	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25B-205	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Đinh Đức Vũ An	2013	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25B-474	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Huy Tuấn	2010	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25B-163	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đào Minh Đức	2012	152	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25B-522	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyên Đăng Khoa	2012	144	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25B-152	Miền Nam	Tiền Giang	Nguyễn Huỳnh Nhật Quang	2011	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25B-388	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đào Minh Quân	2015	131	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25B-179	Miền Nam	Bình Dương	Bùi Nguyên Bách	2011	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25B-393	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Hoàng Nam	2015	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25B-600	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Phương	2010	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25B-181	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Thái Hoàng Sơn	2010	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26.	25B-254	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nghiêm Tuấn Kiệt	2013	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27.	25B-225	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Đỗ Gia Khang	2013	124	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28.	25B-499	Miền Nam	Cà Mau	Võ Hoàng Khang	2013	123	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29.	25B-449	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hà Gia Tiến	2011	118	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30.	25B-405	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Bùi Thế Minh Đức	2010	115	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31.	25B-94	Miền Nam	Tiền Giang	Nguyễn Thanh Hoàng Hào	2010	110	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32.	25B-619	Miền Nam	Đồng Nai	Trần Minh Triết	2012	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
33.	25B-110	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Đinh Hoàng Long	2013	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34.	25B-3	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Ngọc Như Huỳnh	2010	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35.	25B-15	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Duy Bách	2013	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36.	25B-207	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Phan Nguyễn Anh Đức	2011	103	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
37.	25B-66	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Gia Minh	2012	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38.	25B-51	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Gia Phúc	2011	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39.	25B-177	Miền Nam	Bình Thuận	Trác Xuân Kiên	2011	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40.	25B-52	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Minh Khôi	2011	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41.	25B-95	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Mai Bá Phúc	2013	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42.	25B-20	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Gia Vinh	2014	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43.	25B-529	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Phong	2012	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44.	25B-382	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tăng Minh Tâm	2013	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45.	25B-374	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Đoàn Gia Minh	2011	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46.	25B-591	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trịnh Hữu Phúc Toàn	2011	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47.	25B-86	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hữu Triết	2010	88	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48.	25B-356	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Phạm Quốc Thiên	2012	86	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49.	25B-212	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Minh Tín	2011	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50.	25B-354	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thành Cơ	2011	83	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51.	25B-445	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Dũng	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52.	25B-56	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lục Nhất Thịnh	2011	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53.	25B-283	Miền Nam	Đồng Nai	Trần Quốc Bảo	2012	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54.	25B-144	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bá Hiếu Thiện	2010	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55.	25B-340	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Shen Hoàng Darren	2012	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56.	25B-203	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Diệp Bảo Khang	2012	50	
57.	25B-137	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tùng Lâm	2013	35	
58.	25B-19	Miền Nam	Hậu Giang	Lê Hoàng Anh	2012	0	
58.	25B-21	Miền Nam	Hậu Giang	Lý Tuấn Khang	2011	0	
58.	25B-24	Miền Nam	Hậu Giang	Nguyễn Phương Thảo	2012	0	
58.	25B-76	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Bảo Duy	2011	0	
58.	25B-217	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn An Mai	2012	0	
58.	25B-250	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Trần Thiên Ân	2012	0	
58.	25B-336	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Quốc Đăng Khoa	2013	0	

Danh sách gồm 64 thí sinh./.

III. BẢNG C1: LẬP TRÌNH KHỐI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

III.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C1-56	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Dương	2008	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phạm Gia Minh	2008		
2.	25C1-31	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Khánh Nguyên	2009	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Minh Quân	2008		
3.	25C1-13	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Diệu Anh	2008	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Ngọc Minh	2008		
4.	25C1-41	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Vũ Đăng	2007	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Hải Nam	2009		
5.	25C1-28	Miền Bắc	Hà Nội	Giang Trung Minh Đức	2008	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Nguyên Chương	2008		
6.	25C1-27	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nguyễn Đăng Huy	2008	272.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Đăng Tùng Lâm	2008		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
7.	25C1-23	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Gia Bách	2009	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25C1-33	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trung Hải	2008	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Anh Đức	2009		
9.	25C1-42	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Hà	2009	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25C1-26	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Bách	2009	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Đức Minh	2009		
11.	25C1-4	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Minh Đức	2008	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25C1-36	Miền Bắc	Nam Định	Nguyễn Xuân Thiên	2009	182	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Bùi Đức Quang	2009		
13.	25C1-29	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tài Hoàng Long	2009	181.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Dương Đình Tùng	2009		
14.	25C1-52	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Hải Minh	2009	178.833	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Dương Quốc Bảo	2009		
15.	25C1-35	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Anh	2009	152.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Trọng Nhân	2009		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
16.	25C1-54	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Minh Quang	2008	151.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Công Tuấn Anh	2008		
17.	25C1-38	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Quang Minh	2009	151.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Chữ Gia Minh	2009		
18.	25C1-59	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Khiêm	2008	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25C1-21	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Huy Thạch	2009	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Việt Anh	2009		
20.	25C1-43	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Minh Quân	2009	126.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25C1-32	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Gia Nam	2009	126.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Vũ Thế Hoàng Tiến	2009		
22.	25C1-19	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Kim Quang	2009	107.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Quang Huy	2011		
23.	25C1-34	Miền Bắc	Hà Nội	Lại Thành Hưng	2009	76.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Trọng Tín	2009		
24.	25C1-62	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Đức Thắng	2009	25	

Danh sách gồm 24 đội thi./.

III.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C1-60	Miền Trung	Thanh Hóa	Trần Lê Ân	2009	267.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25C1-61	Miền Trung	Thanh Hóa	Mai Văn Minh	2009	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25C1-44	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Huy Hùng	2009	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Tấn Đạt	2009		
4.	25C1-57	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Tùng Khánh	2009	222.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25C1-55	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Đức Dũng	2008	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đinh Vũ Minh Hùng	2008		
6.	25C1-8	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Xuân Minh Khôi	2009	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25C1-50	Miền Trung	Bình Định	Phùng Nguyễn Như Bách	2008	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phan Thị Kim Ngân	2008		
8.	25C1-45	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Đăng Huy	2008	176.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Võ Tiến Tường	2008		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9.	25C1-51	Miền Trung	Bình Định	Đỗ Việt Khánh	2008	162.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Phạm Hoàng Lâm	2008		
10.	25C1-40	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Công Anh	2009	95	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25C1-6	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Văn Phú	2009	71.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Bùi Khôi Nguyên	2009		

Danh sách gồm 11 đội thi./.

III.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C1-3	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Lê Viết Thành Nhân	2008	216.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Nhật Minh	2008		
2.	25C1-53	Miền Nam	Kiên Giang	Trần Quyết Thắng	2007	198.667	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Thành Lợi	2007		
3.	25C1-49	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Trọng Nhân	2009	196.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Bảo Duy	2009		
4.	25C1-16	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thái Minh	2009	192.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25C1-48	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Ngọc Chí Dân	2009	168.833	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đặng Quốc Bảo	2009		
6.	25C1-47	Miền Nam	Đồng Nai	Trần Văn Đại An	2009	154.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Công Thành	2009		
7.	25C1-1	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Vạn Đăng Thành	2009	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hồ Quốc Anh	2009		

Danh sách gồm 07 đội thi./.

IV. BẢNG C2: LẬP TRÌNH KHỎI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÔNG CHUYÊN

IV.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C2-42	Miền Bắc	Hà Nội	Hà Trí Kiên	2009	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25C2-23	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải Phúc	2008	275	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25C2-27	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Việt Hùng	2008	212	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25C2-108	Miền Bắc	Hà Nội	Đinh Thị Thanh Bình	2008	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25C2-26	Miền Bắc	Hải Phòng	Nhữ Thành Đạt	2007	166	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25C2-62	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Cao Phong	2009	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25C2-149	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thế Minh	2009	134	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25C2-83	Miền Bắc	Tuyên Quang	Nguyễn Trần Ngọc Việt	2008	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25C2-68	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hoàng Tùng	2008	126.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25C2-49	Miền Bắc	Vĩnh Phúc	Hoàng Quốc Anh	2008	116.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25C2-112	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tùng Lâm	2009	113	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
12.	25C2-121	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Quốc Bảo	2008	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13.	25C2-89	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Khôi Nguyên	2011	101.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25C2-69	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Lê Anh Vũ	2008	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25C2-116	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải Nhật Tường	2009	61.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25C2-139	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Nguyễn Đức Anh	2009	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25C2-119	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Hồng Quảng	2009	50	
18.	25C2-166	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Văn Mạnh	2009	48.667	
19.	25C2-159	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hải Đăng	2009	47.333	
20.	25C2-129	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thành Đạt	2008	34.333	
21.	25C2-110	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Xuân Vinh	2009	31.333	
22.	25C2-145	Miền Bắc	Hà Nội	Tô Minh Hải	2008	30	
23.	25C2-122	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Như Hải	2009	26	
24.	25C2-142	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Gia Khánh	2009	8	
25.	25C2-75	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tuấn Thành	2009	0	
25.	25C2-107	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Thuỳ Chi	2009	0	
25.	25C2-118	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Anh Tuấn	2009	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25C2-120	Miền Bắc	Hà Nội	Đinh Trung Hải	2009	0	
25.	25C2-125	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Anh Huy	2009	0	
25.	25C2-128	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2009	0	
25.	25C2-135	Miền Bắc	Hải Phòng	Đào Minh Phúc	2009	0	
25.	25C2-140	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Thiên Quang	2009	0	

Danh sách gồm 32 thí sinh./.

IV.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C2-85	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Phương Liêm	2009	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25C2-106	Miền Trung	Gia Lai	Phạm Doãn Gia Bảo	2008	215	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25C2-101	Miền Trung	Gia Lai	Trần Lê An	2008	204	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25C2-104	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Minh Hiếu	2008	179.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25C2-96	Miền Trung	Gia Lai	Lê Văn Nam Khánh	2008	171.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6.	25C2-43	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Thiện Nhân	2009	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25C2-100	Miền Trung	Gia Lai	Đặng Thái Kim	2008	158	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25C2-93	Miền Trung	Gia Lai	Lê Đức Trọng	2009	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
9.	25C2-97	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Anh Hiếu	2008	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10.	25C2-117	Miền Trung	Nghệ An	Lương Xuân Thắng	2009	146.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11.	25C2-131	Miền Trung	Nghệ An	Ngô Xuân Dũng	2009	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12.	25C2-90	Miền Trung	Gia Lai	Hồ Hoàng Long	2009	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
13.	25C2-165	Miền Trung	Đà Nẵng	Vương Gia Nguyên	2008	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14.	25C2-105	Miền Trung	Gia Lai	Lê Khôi Nguyên	2008	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15.	25C2-103	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Nguyên Vũ	2008	121.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16.	25C2-98	Miền Trung	Gia Lai	Bùi Tấn Phong	2008	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17.	25C2-102	Miền Trung	Gia Lai	Võ Đăng Tuệ	2008	113	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18.	25C2-87	Miền Trung	Bình Định	Cao Trương Minh Khang	2008	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19.	25C2-94	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Hoàng Long	2009	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20.	25C2-141	Miền Trung	Nghệ An	Trương Nhật Nam	2009	101.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21.	25C2-17	Miền Trung	Đắk Lắk	Đặng Trọng Phước	2009	99.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22.	25C2-40	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Trung Bảo	2009	86.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23.	25C2-91	Miền Trung	Gia Lai	Phạm Thị Kim Chi	2009	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24.	25C2-161	Miền Trung	Thanh Hóa	Quản Văn Hoàng	2008	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25.	25C2-92	Miền Trung	Gia Lai	Lê Đình Bảo Hoàng	2009	27	
26.	25C2-123	Miền Trung	Nghệ An	Và Kỳ Vinh	2008	25	
27.	25C2-144	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Võ Khánh Minh	2008	25	
28.	25C2-130	Miền Trung	Nghệ An	Phan Đăng Thái Sơn	2008	20	
29.	25C2-95	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	2009	15	
30.	25C2-137	Miền Trung	Bình Định	Lê Đỗ Hồng Lam	2008	0	

Danh sách gồm 30 thí sinh./.

IV.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1.	25C2-111	Miền Nam	Tiền Giang	Ngô Duy Trạng	2008	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25C2-28	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Thanh Tuấn	2008	126.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3.	25C2-9	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Xuân Trọng	2007	105	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25C2-13	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hưng Thịnh	2009	76.333	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5.	25C2-36	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Hữu Thiên	2009	0	

Danh sách gồm 05 thí sinh./.

V. BẢNG D1: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỐI TIỂU HỌC

V.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
1.	25D1-42	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Minh	2014	95	35	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25D1-2	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Nhật	2014	10	10	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25D1-77	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lã Đỗ Đăng Khoa	2014	20	0	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4.	25D1-65	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trí Minh	2014	18	0	18	
				Phan Tất Nghĩa	2014				
4.	25D1-98	Miền Bắc	Bắc Ninh	Phạm Thành Công	2014	18	0	18	
6.	25D1-48	Miền Bắc	Hải Dương	Dương Tùng Lâm	2015	15	0	15	
6.	25D1-72	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Đức Sơn	2014	15	0	15	
				Nguyễn Viết Huy Minh	2015				
8.	25D1-25	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Khang	2014	12	0	12	
9.	25D1-12	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Võ Phong	2014	11	0	11	
10.	25D1-93	Miền Bắc	Hà Nội	Đàm Quốc Bảo	2016	10	0	10	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
10.	25D1-108	Miền Bắc	Hải Dương	Cao Huy Phong	2014	10	0	10	
				Vũ Bá Anh Tú	2015				
12.	25D1-28	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Anh Vũ	2015	8	0	8	
13.	25D1-101	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Quang	2015	7	0	7	
14.	25D1-102	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bình Minh	2016	6	0	6	
15.	25D1-9	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc Khánh	2015	2	0	2	

Danh sách gồm 15 đội thi./.

V.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
1.	25D1-66	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Phước Toàn	2014	25	10	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
1.	25D1-84	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trung Phúc	2014	25	10	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Cung Phạm Hiếu Anh	2015				
3.	25D1-67	Miền Trung	Hà Tĩnh	Phan Trung Quân	2014	26	0	26	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đoàn Nguyễn Ngọc Diệp	2015				
4.	25D1-51	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Tuấn Anh	2014	25	0	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Nam Duy	2014				
4.	25D1-76	Miền Trung	Đà Nẵng	Lý Phước Nguyên Khang	2014	25	0	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Quách Tâm An	2014				
6.	25D1-61	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tấn Phong	2014	22	0	22	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25D1-91	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Tiến	2015	21	0	21	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Hoàng Quốc Bảo	2015				

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
8.	25D1-7	Miền Trung	Quảng Trị	Thái Tất Thắng	2015	20	0	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25D1-47	Miền Trung	Quảng Nam	Trần Đình Sơn	2015	20	0	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25D1-58	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Trọng Kim Khoa	2014	20	0	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25D1-64	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Phúc Bảo	2015	20	0	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8.	25D1-85	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Hoàng Thảo Nhi	2015	15	5	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Minh Phúc	2015				
13.	25D1-74	Miền Trung	Đà Nẵng	Thái Nam Khánh	2014	18	0	18	
				Đào Nhật Khánh Chi	2014				
13.	25D1-88	Miền Trung	Gia Lai	Phạm Huyền Linh	2014	18	0	18	
15.	25D1-73	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Tuệ Linh	2014	16	0	16	
				Võ Phạm Thảo Ngân	2014				
15.	25D1-86	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bình An	2015	16	0	16	
15.	25D1-90	Miền Trung	Gia Lai	Phan Nguyễn Đăng Khoa	2014	16	0	16	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
18.	25D1-23	Miền Trung	Đà Nẵng	La Quang Chính	2015	15	0	15	
18.	25D1-52	Miền Trung	Thanh Hóa	Phạm Gia Bảo	2014	15	0	15	
18.	25D1-75	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trí Nam	2014	15	0	15	
				Trần Đình Hưng	2014				
18.	25D1-110	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Trần Gia Huy	2014	15	0	15	
				Đỗ Trần Gia Hoà	2014				
22.	25D1-87	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Khải Nam	2016	13	0	13	
23.	25D1-29	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Quang Minh	2014	8	2	10	
23.	25D1-68	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bình Phương Mai	2014	10	0	10	
23.	25D1-79	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoàng Thiên	2014	10	0	10	
				Trần Phú Huy	2014				
23.	25D1-82	Miền Trung	Đắk Lắk	Cán Hoàng Lam Anh	2015	10	0	10	
				Nguyễn Đình Nhật Nguyên	2015				
23.	25D1-63	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tường Bảo Ngọc	2014	10	0	10	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
28.	25D1-11	Miền Trung	Thanh Hóa	Trần Tuấn Vũ	2015	6	0	6	
29.	25D1-1	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Quốc Thái	2014	5	0	5	
29.	25D1-15	Miền Trung	Quảng Nam	Lê Văn Tiến	2014	5	0	5	
29.	25D1-32	Miền Trung	Thanh Hóa	Trịnh Như Nghĩa	2014	5	0	5	
29.	25D1-53	Miền Trung	Bình Định	Nguyễn Hoàng Bách	2015	5	0	5	
29.	25D1-54	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Văn Nguyên	2014	5	0	5	
29.	25D1-80	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Trần Minh Quân	2016	5	0	5	
29.	25D1-81	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Nguyễn Đăng Quan	2014	5	0	5	
29.	25D1-114	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Thiên Ân	2014	5	0	5	
37.	25D1-112	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Võ Duy	2015	4	0	4	
38.	25D1-109	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Vĩnh Kỳ	2015	2	0	2	
39.	25D1-17	Miền Trung	Quảng Nam	Nguyễn Quang Quốc Bảo	2014	1	0	1	

Danh sách gồm 39 đội thi./.

V.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
1.	25D1-31	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Lam	2015	50	0	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2.	25D1-34	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Huỳnh Tuấn Kiệt	2015	25	20	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Nguyên Khang	2015				
2.	25D1-59	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Dương Minh Triết	2014	25	20	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Thái Thành An	2015				
4.	25D1-33	Miền Nam	Bình Dương	Nguyễn Phúc Minh	2014	20	20	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Ngọc Thiên Bảo	2015				
5.	25D1-13	Miền Nam	Bình Dương	Trần Quốc Hùng	2014	25	0	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Huỳnh Đoàn Gia Huy	2015				
6.	25D1-10	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nguyễn Xuân Trọng Nhân	2014	21	0	21	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Quang Khải	2014				
7.	25D1-45	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Hoàng Long	2014	15	5	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7.	25D1-60	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Công Anh	2014	20	0	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Tống Linh Thảo	2014				

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm chương trình chính	Điểm mở rộng	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
9.	25D1-50	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Yap Phạm Minh Trung	2014	18	0	18	
				Trần Minh Hoàng	2014				
9.	25D1-62	Miền Nam	Bình Dương	Trương Đình Phát	2014	18	0	18	
				Bùi Trọng Khôi	2015				
11.	25D1-40	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Anh Kiệt	2014	15	0	15	
12.	25D1-71	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hứa Gia Bảo	2014	8	0	8	
13.	25D1-20	Miền Nam	Bà Rịa – Vũng Tàu	Nghiêm Tuấn Phong	2014	5	0	5	
				Trần Gia Túc	2014				
13.	25D1-21	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	5	0	5	
13.	25D1-41	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Hoàng Anh	2014	5	0	5	
				Tạ Trần Minh Nghĩa	2014				
16.	25D1-3	Miền Nam	Bình Phước	Đỗ Minh Khang	2016	1	0	1	
				Đỗ Minh Khôi	2016				

Danh sách gồm 16 đội thi./.